TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án hình sự sơ thẩm
Số: 35/2017/HSST
Ngày: 02/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Thu
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Vương và bà Trần Thị Thu Ba đều là cán bộ hưu trí.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Tứ
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà tham gia phiên toà*: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 01 và 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh L – sinh năm 1964; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Võ K – sinh năm 1927 (chết) và bà: Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1932 (chết); vợ: bà Huỳnh Thị M – sinh năm 1963; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992; nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Nguyễn Ngọc C – sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn C - sinh năm 1952 và bà: Nguyễn Thị Ngọc N – sinh năm 1956; vợ: bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1982; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002; nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

**** Nguyên đơn dân sự***: Ban nhân dân thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.
Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên

**** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*** ông Nguyễn Hữu H – sinh năm 1990 (là trưởng thôn) - có mặt;
Nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Lê Thị N – sinh năm 1975, có mặt;

2. Ông Nguyễn T – sinh năm: 1961, có mặt;

3. Ông Nguyễn H – sinh năm 1938, vắng có lý do;

4. Ông Trần Văn T – sinh năm 1960, có mặt;

5. Ông Huỳnh Xuân H – sinh năm 1957, có mặt;

6. Ông Nguyễn C – sinh năm 1945, có mặt;

7. Bà Lại Thị S – sinh năm 1959, có mặt;

8. Ông Nguyễn Tấn L – sinh năm 1959, có mặt;

9. Ông Võ Trùng K – sinh năm 1946, có mặt;

10. Anh Lưu Xuân S – sinh năm 1992, có mặt;

11. Bà Huỳnh Thị M– sinh năm 1963, có mặt;

12. Anh Nguyễn Văn C – sinh năm 1984, có mặt;

13. Chị Trần Thị Mỹ D – sinh năm 1983, có mặt;

14. Anh Nguyễn Minh Đ – sinh năm 1979, có mặt;

15. Ông Nguyễn T – sinh năm 1969, có mặt;

16. Anh Võ Duy T – sinh năm 1978, có mặt;

17. Ông Trần T – sinh năm 1948, có mặt;

18. Anh Nguyễn – sinh năm 1973, có mặt;

19. Bà Võ Thị Thu N – sinh năm 1965, vắng mặt có lý do;

20. Ông Nguyễn C – sinh năm 1935, có mặt;
Cùng cư trú: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

21. Anh Lê Vũ T – sinh năm 1974, vắng mặt có lý do;

22. Ông Trần Văn B – sinh năm 1963, vắng mặt có lý do;

23. Ông Trần Văn T – sinh năm 1963, vắng có lý do;

24. Chị Đỗ Thị Kim K – sinh năm 1973, có mặt;
Cùng cư trú: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

25. Anh Nguyễn Kim Đ – sinh năm 1971, có mặt;

26. Ông Lê Quang T – sinh năm 1964, có mặt;

27. Anh Đoàn Phú H – sinh năm 1976, có mặt;
Cùng trú tại: thôn C, xã H, huyện Đ Hòa, tỉnh Phú Yên.

28. Anh Ngô Đình T – sinh năm 1970, có mặt;
Nơi cư trú: khu phố X, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

29. Ông Nguyễn R – sinh năm 1963, có mặt;
Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Võ Thanh L, Nguyễn Ngọc C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố hành vi phạm tội như sau:

Thực hiện trên Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định về cơ chế đầu tư xây dựng thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, ngày 14/6/2013 UBND xã H ra quyết định số 73/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn, thôn P thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, theo đó ban quản lý gồm các ông bà: Võ Thanh L - trưởng thôn, làm trưởng ban, Nguyễn Tấn H - bí thư chi bộ thôn, làm phó ban, Nguyễn Ngọc C - phó trưởng thôn, làm ủy viên, Nguyễn T, Nguyễn Tấn L, Huỳnh Xuân H, Lại Thị S, Nguyễn C, Lưu Xuân S, Võ Trùng K, Nguyễn H làm ủy viên. Ban quản lý có chức năng, nhiệm vụ: tổ chức huy động ngày công, vật liệu, tiền của các hộ gia đình, doanh nghiệp, cá nhân để đầu tư xây dựng bê tông hóa giao thông nông thôn trên địa bàn thôn, tiếp nhận, quản lý chặt chẽ số xi măng, ống cống được hỗ trợ: quản lý và sử dụng các nguồn huy động đúng mục đích, tổ chức giải phóng mặt bằng; tổ chức thi công công trình, nghiệm thu công trình theo đúng thời gian quy định .

Quá trình triển khai thực hiện, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, Võ Thanh L là người trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn tiền tiếp nhận, huy động: tổng số tiền tiếp nhận, huy động là 428.841.780 đồng (bốn trăm hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi đồng), trong đó: nguồn tiền tiếp nhận từ UBND tỉnh Phú Yên, UBND huyện Đ, UBND xã H là 266.579.780 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi đồng); nguồn tiền huy động từ nhân dân thôn P là 162.262.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng), quá trình làm đường bê tông nông thôn, L đã chi đúng mục đích số tiền 296.504.307 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm

lẻ bảy đồng), số còn lại 132.337.473 đồng (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng) L đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân. Đối với Nguyễn Ngọc C là người trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn tiền huy động từ nhân dân thôn P, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, C đã huy động, thu được 239.882.238 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tám đồng). C đã chi phục vụ công trình bê tông thôn P là 183.080.000 đồng (một trăm tám mươi ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), còn lại 56.802.238 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi tám đồng) C đã chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân.

* Về dân sự :

- Nguyễn Hữu H - trưởng thôn P, đại diện cho Ban nhân dân thôn P, yêu cầu trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho thôn P, trong đó Võ Thanh L chiếm đoạt 132.337.473 đồng (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng); Nguyễn Ngọc C chiếm đoạt 56.802.238 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi tám đồng). Bị cáo C đã nộp 56.850.000 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo L chưa khắc phục hậu quả.

- Quá trình thi công Ban nhân dân thôn P chưa chi trả đầy đủ số tiền cho các nhà thi công, tổng cộng là 108.383.455 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng), cụ thể còn nợ: Nguyễn Kim Đ 33.203.455 đồng (ba mươi ba triệu hai trăm lẻ ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng), Nguyễn Minh Đ 52.780.000 đồng (năm mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), Ngô Đình T 22.400.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Các nhà thi công yêu cầu Ban nhân dân thôn P trả toàn bộ số tiền nêu trên.

*Về vật chứng :

- 38 tập phiếu thu tiền từ nhân dân thôn P.

- 01 tập phiếu chi tiền .

- 01 sổ theo dõi thu chi đường bê tông Giao thông nông thôn thôn P.

- Các hóa đơn, chứng từ nguồn tiền hỗ trợ từ UBND tỉnh Phú Yên, UBND huyện Đ, UBND xã H.

- 02 quyển sổ viết tay của Võ Thanh L, Nguyễn Ngọc C.

Tại bản cáo trạng số 28/VKS-HS ngày 12/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Võ Thanh L về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Ngọc C về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Hiện tại hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo hưởng án treo để lao động nuôi con.

Các nhà thầu Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Minh, Ngô Đình T yêu cầu Ban nhân dân thôn P thanh toán số tiền còn nợ; cụ thể: Nguyễn Kim Đ 33.203.455 đồng, Nguyễn Minh Đ 52.780.000, Ngô Đình T 22.400.000 đồng.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Võ Thanh L từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù; căn cứ khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Nguyễn Ngọc C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX xem xét yêu cầu của nguyên đơn dân sự theo quy định pháp luật.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho Ban nhân dân thôn P số tiền mà bị cáo C đưa cho vợ bị cáo L nhờ chuyển cho L khắc phục hậu quả 8.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, Võ Thanh L - nguyên Trưởng thôn, trưởng Ban quản lý, Nguyễn Ngọc C - nguyên phó trưởng thôn, Ủy viên Ban quản lý trong việc thực hiện bê tông hóa đường giao thông thôn P, đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý, sử dụng tiền làm đường bê tông nông thôn của thôn P, đã chiếm đoạt của Ban nhân dân thôn P số tiền 189.139.711 đồng (một trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm mười một đồng), trong đó L chiếm đoạt 132.337.473 đồng (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn

bốn trăm bảy mươi ba đồng), C chiếm đoạt 56.802.238 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

Căn cứ các nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, hành vi của bị cáo Võ Thanh L về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Ngọc C về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hoà truy tố là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quan hệ sở hữu ảnh hưởng đến những hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Giữa lúc Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới, trong đó có việc xây dựng đường giao thông nông thôn ngày càng khang trang sạch đẹp, nâng cao đời sống cho bà con nông thôn, thì các bị cáo đã làm trái chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao (Võ Thanh L - nguyên Trưởng thôn, trưởng Ban quản lý; Nguyễn Ngọc C - nguyên phó trưởng thôn, Ủy viên Ban quản lý trong việc thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn P), để chiếm đoạt 189.139.711 đồng của Ban nhân dân thôn P, trong đó L chiếm đoạt 132.337.473 đồng; C chiếm đoạt 56.802.238 đồng. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện với mức độ cụ thể của từng bị cáo như sau:

1/ Đối với Võ Thanh L: Là Trưởng ban quản lý thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn, đã tự mình quản lý các nguồn tiền Nhà nước hỗ trợ và tiền do nhân dân thôn P đóng góp, không đưa vào sử dụng đúng mục đích hết số tiền bị cáo trực tiếp quản lý mà giữ lại tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt 132.337.473 đồng của Ban nhân dân thôn P. Đến nay, bị cáo chưa nộp đồng nào để khắc phục hậu quả, là thể hiện thái độ chưa thực sự ăn năn hối cải. Vì vậy, phải xử mức án nghiêm, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có chị ruột là Liệt sĩ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng.

2/ Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C: Là Phó Trưởng thôn, ủy viên Ban quản lý thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn, đã tự mình quản lý một phần tiền do nhân dân thôn P đóng góp, không đưa vào sử dụng đúng mục đích hết số tiền bị cáo trực tiếp quản lý mà giữ lại tiêu xài cá nhân, chiếm đoạt 56.802.238 đồng của Ban nhân dân thôn P. Với hành vi phạm tội của bị cáo C cũng cần xử lý nghiêm, để ngăn ngừa các hành vi tương tự.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã thật thà khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; Mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng đã nộp lại 56.850.000 đồng khắc phục toàn bộ hậu quả cho Ban nhân dân thôn P, là thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối cải. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Xét bị cáo C có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên không cần cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, cho bị cáo C hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L phải khắc phục hậu quả cho Ban nhân dân thôn P số tiền 132.337.473 đồng (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng) mà L đã chiếm đoạt.

Đối với bị cáo C đã nộp tại bộ phận tài chính Ủy ban nhân dân xã H 48.850.000 đồng, nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ 8.000.000 đồng, tổng cộng số tiền nộp 56.850.000 đồng, thừa 47.762 đồng so với số tiền chiếm đoạt nhưng bị cáo C tự nguyện để cho Ban nhân dân thôn sử dụng, không yêu cầu nhận lại.

Đối với các nhà thầu đã thi công đường bê tông xong nhưng chưa được Ban nhân dân thôn P thanh toán nốt số tiền còn nợ tổng cộng 108.383.455 đồng gồm: Nguyễn Kim Đoan 33.203.455 đồng; Nguyễn Minh Đ 52.780.000 đồng; Ngô Đình T 22.400.000 đồng. Tại phiên tòa, các ông Đ, Đ, T yêu cầu các bị cáo khắc phục hậu quả để Ban nhân dân thôn P có tiền thanh toán nốt cho các nhà thầu. Sau khi Hội đồng xét xử giải thích trách nhiệm thanh toán thuộc về Ban nhân dân thôn P và không thuộc phạm vi xem xét trong vụ án hình sự này, các ông Đ, Đ, T không yêu cầu, để tự giải quyết công nợ với Ban nhân dân thôn P.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho Ban nhân dân thôn P 8.000.000 đ *(Tám triệu đồng)*, theo giấy ủy nhiệm chi Công an huyện Đ chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ ngày 15/6/2017.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường: 132.337.473 đồng x 5% = 6.616.874 đồng, quy tròn là 6.616.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh L, Nguyễn Ngọc C phạm tội " Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo **Võ Thanh L 07 (bảy) năm tù**, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**, thời gian thử thách **03 (ba) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khi bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Thanh L phải bồi thường cho Ban nhân dân thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên **132.337.473 đ *(một trăm ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng)***.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho Ban nhân dân thôn P **8.000.000 đ *(tám triệu đồng)***, theo giấy ủy nhiệm chi Công an huyện Đ chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ ngày 15/6/2017 .

Ban nhân dân thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên được sở hữu, sử dụng số tiền **48.850.000 đ *(bốn mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)*** do bị cáo Nguyễn Ngọc C đã nộp tại bộ phận tài chính Ủy ban nhân dân xã H.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Báo cho người phải thi hành án và người được thi hành án biết việc thi hành án về phần dân sự thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người

được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Võ Thanh L, Nguyễn Ngọc C mỗi người phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Võ Thanh L phải chịu 6.616.000 đ *(sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đ;
- THA DS huyện Đ;
- Bị cáo;
- NĐDS;
- Sở tư pháp.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Thu

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyên, tỉnh;
- Công an huyện Đông Hoà;
- THA DS huyện Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Thu

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyên, tỉnh;
- Công an huyện Đông Hoà;
- THA DS huyện Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hiền Thu

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyên, tỉnh;
- Công an huyện Đông Hoà;
- THA DS huyện Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Thu

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyên, tỉnh;
- Công an huyện Đông Hoà;
- THA DS huyện Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Thu

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyên, tỉnh;
-Công an huyện Đông Hoà;
-THA DS huyện Đông Hoà;
-Bị cáo;
-Bị hại.
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hiền Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN: **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

Nguyễn Giáo Khoa **Ngô Đình Quốc** **Nguyễn Hiền Thu**

Nơi nhận:
THẨM
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND huyên, tỉnh;
-Công an huyện Đông Hoà;
-THA DS huyện Đông Hoà;
-Bị cáo;
-Bị hại.
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hiền Thu